

Số: ~~512~~ /QĐ-ĐS

Hà Nội, ngày ~~10~~ tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của
Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ về Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thống nhất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam”.

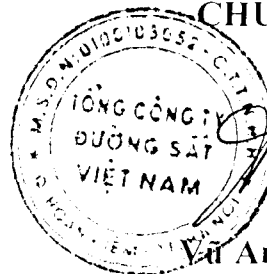
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành. Hủy bỏ các quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng thành viên TCT ĐSVN;
- Kiểm soát viên TCT ĐSVN;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN TCT ĐSVN;
- Ban Tổng giám đốc TCT ĐSVN;
- Các đơn vị trực thuộc TCT ĐSVN;
- Văn phòng, các Ban của TCT ĐSVN;
- Người Đại diện của TCT ĐSVN tại DN khác;
- Lưu: VT, TLDC, TCCB (05).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Vũ Anh Minh

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 512/QĐ-ĐS ngày 10 tháng 5 năm 2018
của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Tổng công ty Đường sắt Việt Nam” (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

b) “Điều lệ Tổng công ty” là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị định số 11/2018/NĐ-CP ngày 16/01/2018 của Chính phủ.

c) “Chủ sở hữu của Tổng công ty”: Nhà nước là chủ sở hữu của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Chính phủ thống nhất thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu đối với Tổng công ty, Bộ Giao thông vận tải được phân công thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo quy định của pháp luật.

d) “Hội đồng thành viên” là Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

e) “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

g) “Người đại diện phần vốn” là Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty đầu tư tại các công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

h) “Văn bản thay thế” là văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới của cấp có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc của cấp trên.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Bộ luật Dân sự, Luật Đường sắt, các văn bản pháp luật khác và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty sẽ có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về cơ cấu thành viên, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, phương thức tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên.

2. Quy chế này nằm trong hệ thống các quy chế quản lý nội bộ được áp dụng trong toàn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Các vấn đề khác liên quan tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên không được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với:

1. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Các doanh nghiệp, đơn vị thuộc Tổng công ty:

- Văn phòng và các Ban chuyên môn;
- Các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;
- Các công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện tham gia liên kết.

Chương II

CƠ CẤU VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 4. Thành viên Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty có không quá 07 (bảy) thành viên.

Chủ tịch Hội đồng thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu. Nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Hội đồng thành viên Tổng công ty thông qua nhiệm vụ của từng thành viên trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên, việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu thành viên Hội đồng thành viên được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty.

Điều 5. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các chức danh quản lý, điều hành ở Tổng

công ty và bất kỳ doanh nghiệp khác trong và ngoài doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng thành viên;

b) Chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến Hội đồng thành viên;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;

d) Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải và nghị quyết Hội đồng thành viên;

đ) Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của công ty, kết quả quản lý điều hành của Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

e) Tổ chức công bố, công khai thông tin về Tổng công ty Đường sắt Việt Nam theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố;

g) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu giao cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

h) Thay mặt Hội đồng thành viên ký hoặc ủy quyền một trong số các thành viên Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

i) Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn, dài hạn, các dự án đầu tư quan trọng của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, phương án tổ chức, nhân sự của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

k) Được áp dụng các biện pháp cần thiết vượt thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp (chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn), sau đó phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và chủ sở hữu;

l) Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên Hội đồng thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không thể thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình vì một lý do bất khả kháng thì các thành viên Hội đồng thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên Hội đồng thành viên tạm thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quá bán;

m) Kiểm tra, giám sát:

Trực tiếp hoặc phân công thành viên Hội đồng thành viên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát: Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Trưởng các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; Người đại diện của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ở doanh nghiệp khác trong việc

thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này; Đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty con theo quy chế giám sát nội bộ và quy định pháp luật; Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Hội đồng thành viên; Tổ chức giám sát việc thực hiện Quy chế tài chính, Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại doanh nghiệp khác và các quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

n) Cử Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng;

o) Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc chậm trễ hoặc không ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

p) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quy định của pháp luật và chủ sở hữu.

Điều 6. Văn phòng, Ban Kiểm soát nội bộ và các Ban chuyên môn

1. Văn phòng Tổng công ty trực tiếp giúp việc Hội đồng thành viên trong việc thực hiện các nội dung công việc hằng ngày.

2. Ban Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ là đầu mối tổng hợp cùng các Ban chuyên môn khác giúp Hội đồng thành viên trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Tổng công ty: kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty.

3. Hội đồng thành viên sử dụng các Ban chuyên môn của Tổng công ty để tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và Quy chế này.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ PHÂN CÔNG CỤ THỂ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 7. Chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Tổng công ty, tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu được giao tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật; thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

2. Hội đồng thành viên có quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan liên quan được quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Tổng công ty.

Việc phân cấp giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc được thực hiện theo các quy chế quản lý nội bộ và các văn bản thay thế của Tổng công ty do Hội đồng thành viên ban hành. Nội dung cụ thể các quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng thành viên được quy định như sau:

1. Lĩnh vực Tổ chức, quản trị nhân sự:

1.1. Tổ chức:

1.1.1. Hội đồng thành viên báo cáo, trình Bộ Giao thông vận tải:

a) Bộ Giao thông vận tải trình Chính phủ:

- Quy định hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

b) Bộ Giao thông vận tải đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

- Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu và sắp xếp lại đối với Tổng công ty;

- Quyết định mức vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Tổng công ty;

- Quyết định chủ trương chuyển giao vốn nhà nước tại Tổng công ty giữa các cơ quan đại diện chủ sở hữu, giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước;

- Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Tổng công ty.

c) Bộ Giao thông vận tải quyết định:

- Xếp hạng doanh nghiệp đối với Tổng công ty;

- Ban hành, sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính của Tổng công ty sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính;

d) Bộ Giao thông vận tải phê duyệt để Hội đồng thành viên Tổng công ty quyết định những vấn đề sau:

- Thành lập công ty con; tổ chức lại các công ty con;

- Việc góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Việc tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty;

- Phương án khai thác quỹ đất của Tổng công ty.

1.1.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Các quy định tại Điểm d Khoản 1.1.1 Mục 1.1 sau khi được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt hoặc chấp thuận bằng văn bản;

b) Đổi tên, thay đổi trụ sở chính của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

c) Thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty;

d) Tổ chức hoạt động kiểm toán và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

đ) Xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

e) Ban hành tiêu chuẩn và tổ chức xếp cấp ga đường sắt thuộc quyền quản lý của Tổng công ty;

g) Xếp hạng các Ban quản lý dự án đường sắt, Trường Cao đẳng Đường sắt thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

h) Phê duyệt cơ cấu tổ chức Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty;

i) Chấp thuận đề Tổng giám đốc Tổng công ty ban hành, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ;

k) Phân cấp, phân công hoặc uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng thành viên cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty hoặc các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên Tổng công ty nhằm phát huy tinh thần chủ động trong quản lý và hoạt động điều hành Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

l) Quy định quyền, nghĩa vụ của các đơn vị trực thuộc Tổng công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đất đai, lao động và các nguồn lực khác của Nhà nước giao cho Tổng công ty và của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

m) Thành lập Hội đồng Trường Cao đẳng Đường sắt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

n) Thông qua phương hướng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, các dự án, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hằng năm của Trường Cao đẳng Đường sắt;

o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và chủ sở hữu Tổng công ty.

1.2. Quản lý lao động:

1.2.1. Hội đồng thành viên báo cáo, trình Bộ Giao thông vận tải:

a) Bộ Giao thông vận tải đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

- Quyết định bổ nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể Ban cán sự Đảng Chính phủ.

- Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ.

b) Bộ Giao thông vận tải quyết định:

- Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng công ty;

- Báo cáo xin ý kiến Ban cán sự Đảng Chính phủ trước khi có văn bản chấp thuận để Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam quyết định bổ nhiệm đối với Tổng giám đốc Tổng công ty. Trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của tập thể Ban cán sự Đảng Chính phủ;

- Chấp thuận về quy hoạch, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc Tổng công ty;

- Cho ý kiến về Kế hoạch lao động của Tổng công ty;

- Cử Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Tổng công ty ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng.

1.2.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc Tổng công ty sau khi có sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải;

b) Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu và các lợi ích khác trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty đối với:

- Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty;

- Chủ tịch Hội đồng Trường Cao đẳng Đường sắt;

- Người đại diện phần vốn.

c) Chấp thuận bằng văn bản đề Tổng giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban của Tổng công ty và Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Tổng công ty;

d) Phê duyệt kế hoạch lao động của Tổng công ty;

đ) Ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tổng thể chiến lược, quy hoạch phát triển Tổng công ty và chiến lược, quy hoạch, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của quốc gia;

e) Ban hành các chủ trương của Tổng công ty về: tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động, quản lý hồ sơ các đối tượng thuộc diện quản lý theo quy định; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, giao kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật; giải quyết các chế độ chính sách và các lợi ích khác đối với lao động quản lý trong Tổng công ty;

g) Quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm, cử, miễn nhiệm, giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng trách nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng trách nhiệm; điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật; quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, giải quyết các chế độ chính sách và các lợi ích khác đối với của Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc. Người đại diện phần vốn của Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

h) Ban hành quy định về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ đối với lao động quản lý, người lao động và vị trí việc làm trong Tổng công ty;

i) Tổ chức triển khai, thực hiện nhận xét, đánh giá Người quản lý Tổng công ty, Lao động quản lý trong Tổng công ty và Người đại diện phần vốn.

1.3. Quản lý tiền lương và định mức lao động:

1.3.1. Hội đồng thành viên trình Bộ Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt định mức lao động, quỹ lương những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quản lý;

b) Quý I hằng năm, báo cáo Bộ Giao thông vận tải: phê duyệt quỹ tiền lương và thù lao thực hiện của thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; cho ý kiến đối với quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước liền kề của Tổng công ty;

c) Báo cáo Bộ Giao thông vận tải, đồng thời gửi cho Kiểm soát viên Tổng công ty quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của năm trước chậm nhất sau 10 (mười) ngày kể từ ngày phê duyệt để kiểm tra, giám sát;

d) Đề nghị Bộ Giao thông vận tải nâng lương, xếp lương đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên Tổng công ty.

1.3.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn cơ sở liên quan đến đường sắt, cấp bậc kỹ thuật công nhân khai thác đường sắt: quản lý vận dụng, sửa chữa đầu máy;

b) Xây dựng và ban hành định mức lao động tổng hợp và chi tiết các ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty;

c) Phê duyệt đơn giá chi phí đào tạo mới của Trường Cao đẳng Đường sắt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

d) Ban hành các quy định của Tổng công ty về quản lý tiền lương, quy chế trả lương, thù lao, quy chế thưởng của Tổng công ty và các chính sách, chế độ khác theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định xếp lương, nâng ngạch chuyên viên cao cấp, kỹ sư cao cấp sau khi có kết quả thi;

e) Quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Tổng giám đốc và các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm;

g) Quyết định nâng lương, xếp lương, phụ cấp lương và thực hiện chế độ chính sách khác đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, ký hợp đồng;

h) Có ý kiến đề Người đại diện phần vốn quyết định hoặc tham gia với Công ty về việc: xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương trước khi thực hiện; phương án lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch gắn với chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh kế hoạch của công ty;

Yêu cầu Người đại diện phần vốn báo cáo về quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm trước và kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm sau khi công ty thông qua.

2. Lĩnh vực quản lý Người đại diện phần vốn:

2.1. Hội đồng thành viên trình Bộ Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm xin ý kiến hoặc báo cáo đầy đủ với cơ quan đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty về việc đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khác theo các quy định của pháp luật.

b) Báo cáo và xin ý kiến về góp vốn, điều chỉnh tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Quyết định cử, cử lại Người đại diện phần vốn để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định.

b) Quyết định quy hoạch, đánh giá, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và các lĩnh vực khác liên quan đối với Người đại diện phần vốn.

c) Quyết định việc góp vốn, điều chỉnh tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

d) Thực hiện hoặc thông qua Người đại diện phần vốn thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ doanh nghiệp.

đ) Ban hành các quy định, quyết định, biện pháp, hướng dẫn thực hiện của Tổng công ty đối với Người đại diện phần vốn.

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của Tổng công ty về hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp; Giám sát

việc thu hồi vốn đầu tư, thu cổ tức và các rủi ro từ phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

g) Giải quyết, trả lời các kiến nghị của Người đại diện phần vốn đối với phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp; Quyết định thành lập các Tổ thẩm định giúp Hội đồng thành viên Tổng công ty xem xét, chấp thuận đối với các dự án, hợp đồng do Người đại diện phần vốn trình (nếu thấy cần thiết).

h) Đánh giá hoạt động hằng năm của Người đại diện phần vốn.

i) Cho ý kiến để Người đại diện phần vốn tham gia ý kiến, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) những vấn đề Người đại diện phần vốn phải xin ý kiến.

k) Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

l) Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn yêu cầu công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chuyển phần lợi nhuận, cổ tức được chia hoặc thu hồi vốn đầu tư về Tổng công ty; giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia;

m) Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, Văn phòng và các Ban tham mưu, giúp việc của Tổng công ty thực hiện tham mưu việc quản lý vốn, tài sản, quản lý Người đại diện phần vốn theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

n) Các quyết định khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Lĩnh vực Quản lý kế hoạch:

3.1. Hội đồng thành viên trình Bộ Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Báo cáo Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm của Tổng công ty.

b) Trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Tổng công ty.

c) Trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt danh mục các dự án nhóm A, B hàng năm của Tổng công ty.

d) Xây dựng, trình duyệt kế hoạch sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và kế hoạch đầu tư công.

đ) Xây dựng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị lớn hơn mức quy định, dự án góp vốn liên doanh của doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư vào doanh nghiệp khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

e) Chủ trương dự án đầu tư ra nước ngoài của Tổng công ty.

g) Xây dựng phương án giá cho thuê kết cấu hạ tầng đường sắt không liên quan trực tiếp đến chạy tàu trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Hội đồng thành viên quyết định sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt về các nội dung sau đây:

- Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

- Huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại các điều 23, 24, 28 và 29 của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước;

- Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

b) Quyết định việc sử dụng thương hiệu của Tổng công ty: các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Việc sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất của doanh nghiệp để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan; phù hợp với chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp.

Hội đồng thành viên quyết định từng dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với giá trị không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Hội đồng thành viên phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ hoặc Quy chế tài chính của Tổng công ty.

d) Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty mẹ, kế hoạch đầu tư phát triển sử dụng nguồn vốn của Công ty mẹ hàng năm do Tổng giám đốc trình.

đ) Ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của các công ty con do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ.

e) Ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty mẹ - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

g) Giao chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hàng năm cho người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

h) Chỉ đạo người đại diện Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác đối với các nội dung về kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm do người đại diện trình.

i) Phê duyệt chủ trương, phương án khai thác cơ sở nhà, đất do Tổng công ty quản lý.

k) Các quyết định khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Lĩnh vực Quản lý tài chính:

4.1. Hội đồng thành viên trình Bộ Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Huy động vốn:

- Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động lớn hơn hoặc bằng 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

- Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Phương án huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Đầu tư vốn:

Hội đồng thành viên báo cáo chủ sở hữu quyết định các trường hợp đầu tư vốn có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, dự án có giá trị bằng hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công, dự án sử dụng vốn vay nước ngoài, phân bổ nguồn vốn ngân sách, trái phiếu chính phủ, nguồn vốn ODA cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đường sắt của Tổng công ty.

c) Chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty:

Hội đồng thành viên báo cáo chủ sở hữu phê duyệt chủ trương chuyển nhượng các khoản vốn đã đầu tư ra ngoài Tổng công ty.

d) Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản:

Hội đồng thành viên báo cáo chủ sở hữu quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm cho thuê tài sản, tài sản có giá trị còn lại bằng hoặc vượt mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

đ) Thanh lý, nhượng bán tài sản:

Hội đồng thành viên báo cáo chủ sở hữu quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm thanh lý tài sản, tài sản có giá trị còn lại bằng hoặc vượt mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

e) Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ:

Hội đồng thành viên trình chủ sở hữu phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận hàng năm.

g) Kế hoạch tài chính:

Hội đồng thành viên trình chủ sở hữu phê duyệt kế hoạch tài chính và kế hoạch tỷ suất lợi nhuận trên vốn hàng năm.

4.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Huy động vốn:

- Phê duyệt kế hoạch huy động vốn dài hạn, kế hoạch huy động vốn hàng năm của Tổng công ty; kế hoạch bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh khác hàng năm cho các công ty con.

- Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng trong nước trên nguyên tắc tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với một công ty con không vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Tổng công ty tại công ty con đó tại thời điểm bảo lãnh.

- Tổng mức vốn huy động để phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty (bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn của các công ty con) phải đảm bảo hệ số nợ phải trả không quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất.

b) Đầu tư vốn:

- Quyết định và giao nhiệm vụ triển khai cụ thể đối với từng dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 10 tỷ đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

- Hằng năm, thông qua kế hoạch đầu tư phát triển bao gồm danh mục đầu tư bằng các nguồn vốn của Tổng công ty đối với tất cả các dự án.

c) Chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài Tổng công ty:

Quyết định việc chuyển nhượng các khoản vốn đã đầu tư ra ngoài Tổng công ty sau khi có ý kiến chấp thuận của chủ sở hữu.

d) Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản:

Quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất, tài sản có giá trị còn lại dưới mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

d) Thanh lý, nhượng bán tài sản:

Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại từ 500 triệu đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu hoặc tài sản có nguyên giá từ 5 tỷ đồng đến dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất, tài sản có giá trị còn lại dưới mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

e) Khấu hao tài sản cố định:

Phê duyệt phương án trích khấu hao tài sản cố định của Tổng công ty do Tổng giám đốc trình.

g) Quản lý hàng hoá tồn kho:

Phê duyệt các định mức vật tư, thiết bị dự phòng sản xuất; định mức nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất của Tổng công ty do Tổng giám đốc trình.

h) Quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả:

Quyết định ban hành Quy chế quản lý nợ, quyết định phương án xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được.

i) Kiểm kê tài sản:

- Quyết định phương án xử lý tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn và mức bồi thường.

- Chỉ đạo xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản theo phương án do Tổng giám đốc trình.

- Chỉ đạo việc đánh giá lại tài sản theo các quy định của pháp luật.

k) Quản lý chi phí:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Quyết định chủ trương đối với các khoản chi phí mua ngoài có giá trị trên 100 tỷ đồng.

- Phê duyệt các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, tình trạng trang thiết bị của Tổng công ty do Tổng giám đốc trình.

l) Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ:

Quyết định phân phối lợi nhuận theo phương án trình đã được chủ sở hữu chấp thuận.

m) Kế hoạch tài chính:

Giao Tổng giám đốc xây dựng, trình kế hoạch tài chính, kế hoạch tỷ suất lợi nhuận trên vốn năm sau của Tổng công ty để trình chủ sở hữu phê duyệt.

n) Báo cáo tài chính:

- Phê duyệt báo cáo tài chính của công ty mẹ; báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty đã được kiểm toán do Tổng giám đốc trình.

- Phê duyệt báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các đơn vị trực thuộc, các công ty con do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Có ý kiến về báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty đã được kiểm toán do Người đại diện trình trước khi Đại hội đồng cổ đông thông qua.

o) Công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp, đánh giá Người đại diện:

Quyết định công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp đối với các công ty con, đánh giá Người đại diện theo quy định.

p) Các quyết định khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Lĩnh vực Quản lý đầu tư, xây dựng:

5.1. Hội đồng thành viên trình Bộ Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Đề xuất Bộ Giao thông vận tải cho phép lập chủ trương đầu tư, lập dự án đầu tư đối với dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công; dự án sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư giao Tổng công ty làm chủ đầu tư.

b) Đề xuất Bộ Giao thông vận tải ủy quyền quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công; dự án sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư được giao Tổng công ty làm chủ đầu tư.

c) Đề xuất Bộ Giao thông vận tải kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm để Bộ xem xét, hoàn chỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của Luật Đầu tư công.

d) Căn cứ danh mục các dự án nhóm A, B của Tổng công ty được phê duyệt. Trình Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty có Tổng mức đầu tư bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án; Dự án có Tổng mức đầu tư nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

5.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Quyết định triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư hàng năm của Tổng công ty theo quyết định danh mục dự án đầu tư và phân bổ vốn của cấp có thẩm quyền.

b) Nhận, quản lý vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho Tổng công ty.

c) Tiếp nhận các công trình xây dựng mới về kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư đã hoàn thành khi Nhà nước giao để kinh doanh theo quy định của pháp luật.

d) Chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, danh mục các dự án nhóm A, B hàng năm của Tổng công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhóm C sử dụng vốn đầu tư công; dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất kết cấu hạ tầng đường sắt sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế:

- Thực hiện theo ủy quyền của Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư và các thủ tục thuộc thẩm quyền của người quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

- Thực hiện hoặc phân cấp ủy quyền một số thủ tục thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Việc phân cấp, ủy quyền được thực hiện theo Quy chế quản lý nội bộ.

e) Đối với các dự án sử dụng vốn của Tổng công ty:

- Thực hiện quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật và phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện đối với từng dự án đầu tư sử dụng vốn của Tổng công ty có Tổng mức đầu tư nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Hội đồng thành viên phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị dưới 10 tỷ đồng phù hợp với danh mục các dự án được phê duyệt hằng năm của Tổng công ty.

g) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm đối với công ty do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty quyết định về chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm chủ trương, danh mục dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm đối với công ty do Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Giao nhiệm vụ cho người đại diện quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm đối với công ty do Tổng công ty nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

h) Các quyết định khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Lĩnh vực Xây dựng văn bản:

6.1. Hội đồng thành viên trình Bộ Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- Dự thảo Điều lệ Tổng công ty.
- Dự thảo Quy chế Tài chính của Tổng công ty.
- Các Định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền cơ quan nhà nước.
- Tham gia cùng với các bộ ngành và cơ quan trong việc xây dựng luật, nghị định, thông tư hướng dẫn,... có liên quan đến hoạt động đường sắt.

6.2. Hội đồng thành viên quyết định:

a) Hội đồng thành viên ban hành:

- Phê duyệt Quy chế hoạt động của đơn vị trực thuộc phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty.
- Ban hành Quy định phân cấp quản lý về lĩnh vực tổ chức, quản trị nhân sự trong Tổng công ty.
- Ban hành Quy chế Kế hoạch của Tổng công ty.
- Ban hành Quy chế Kinh doanh đường sắt của Tổng công ty.
- Ban hành Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng của Tổng công ty.
- Ban hành Quy chế Thi đua – Khen thưởng của Tổng công ty.
- Ban hành Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- Ban hành Quy chế xử lý trách nhiệm Người đứng đầu đơn vị trực thuộc và Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu.
- Ban hành các Quy chế về phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo thẩm quyền.
- Ban hành Quy định về thẩm quyền ký văn bản tại Cơ quan Tổng công ty
- Ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức và nguồn nhân lực.
- Ban hành Quy định về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo.
- Ban hành Quy định về việc xây dựng, rà soát các quy chế quy định nội bộ của Tổng công ty.
- Ban hành Quy định về kiểm tra, giám sát, đánh giá những việc do Hội đồng thành viên giao.
- Ban hành Quy định về công tác kế hoạch đầu tư (trừ nguồn ngân sách nhà nước).
- Ban hành Quy định về công tác thống kê, định mức kinh tế trong lĩnh vực điều hành giao thông đường sắt.
- Ban hành Quy định về quản lý, mua sắm và sử dụng tài sản của Nhà nước trong ngành đường sắt.
- Ban hành Quy định về kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không liên quan trực tiếp đến chạy tàu và dịch vụ hỗ trợ khác.
- Ban hành Quy định trong lĩnh vực hợp tác quốc tế.
- Ban hành Quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng đất đai trong ngành.
- Ban hành Quy định về lĩnh vực an ninh quốc phòng đường sắt.
- Các Quy chế, quy định quản lý nội bộ, Định mức kinh tế - kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

b) Hội đồng thành viên phân cấp cho Tổng giám đốc ban hành:

Các Quy định về quy trình - kỹ thuật vận tải; quy trình - kỹ thuật điều hành giao thông vận tải đường sắt; tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật; quy trình - kỹ thuật về sửa chữa đầu máy, toa xe và phương tiện chuyên dùng chạy trên đường sắt; quy trình – kỹ thuật về an toàn giao thông, ứng phó sự cố thiên tai và cứu nạn đường sắt; chất lượng công trình, an toàn lao động trong thi công các công trình đường sắt.

7. Lĩnh vực, hoạt động khác: Được thực hiện theo các quy chế, quy định quản lý nội bộ liên quan sau khi được Hội đồng thành viên thống nhất ban hành.

Điều 9. Nguyên tắc phân công nhiệm vụ của Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên phân công các thành viên trong Hội đồng thành viên theo dõi thường xuyên, giám sát hoạt động của Tổng công ty theo chuyên đề hoặc theo lĩnh vực. Việc phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng thành viên nhằm xác định nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể đối với từng thành viên để chủ động chủ trì giải quyết các công việc cụ thể trước khi đưa ra Hội đồng thành viên xem xét, quyết định.

Các thành viên Hội đồng thành viên được phân công chuyên đề hoặc lĩnh vực có trách nhiệm theo dõi, giám sát, đôn đốc các tổ chức, cá nhân liên quan chuẩn bị nội dung. Khi tham gia cuộc họp Hội đồng thành viên về các nội dung chuyên đề hoặc theo lĩnh vực được phân công thì các thành viên Hội đồng thành viên có trách nhiệm kiểm tra, soát xét đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của Hội đồng thành viên và các quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng thành viên có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch và Hội đồng thành viên về những vấn đề lớn, nhạy cảm, quan trọng, vượt thẩm quyền: những vấn đề do Lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp chỉ đạo; những vấn đề lớn có ý kiến khác nhau; những vấn đề mới phát sinh và các tồn tại cần giải quyết.

2. Đối với những công việc có sự chồng chéo về chuyên đề, lĩnh vực hoặc nội dung liên quan đến hai (02) thành viên Hội đồng thành viên trở lên, Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ phân công một thành viên chủ trì phụ trách.

3. Trường hợp vắng mặt không thể thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

4. Trong trường hợp thành viên Hội đồng thành viên vắng mặt vì lý do chính đáng, tùy theo hoàn cảnh và điều kiện thực tế Chủ tịch Hội đồng thành viên trực tiếp giải quyết hoặc phân công điều chỉnh công việc cho các thành viên Hội đồng thành viên khác theo dõi, giải quyết.

5. Tùy theo tình hình thực tế, để bảo đảm yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chung của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ xem xét, điều chỉnh sự phân công công tác giữa Chủ tịch Hội đồng thành viên và các thành viên Hội đồng thành viên quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Khi có sự điều chỉnh việc phân công công tác giữa các thành viên Hội đồng thành viên thì các thành viên Hội đồng thành viên phải bàn giao nội dung công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan cho nhau và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng thành viên trong phạm vi nhiệm vụ được phân công

1. Thường xuyên theo dõi và kiểm tra, xử lý các vấn đề cụ thể thuộc thẩm quyền được phân công và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hoạt động trong lĩnh vực, chuyên đề được phân công.

2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực, chuyên đề do thành viên Hội đồng thành viên khác phụ trách thì các thành viên Hội đồng thành viên chủ động phối hợp với nhau để giải quyết. Trường hợp các thành viên Hội đồng thành viên có ý kiến khác nhau thì thành viên Hội đồng thành viên phụ trách giải quyết công việc đó báo cáo Chủ tịch và Hội đồng thành viên xem xét, quyết định.

3. Đề xuất với Chủ tịch và Hội đồng thành viên các chủ trương, chính sách, phương thức, giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đối với lĩnh vực, chuyên đề được phân công. Có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, Trưởng các ban chuyên môn, Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Tổng công ty đáp ứng các báo cáo về chuyên môn và chuyên đề, lĩnh vực mình phụ trách.

4. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, thành viên Hội đồng thành viên báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên và tập thể Hội đồng thành viên tình hình nhiệm vụ được phân công, đánh giá, nhận xét và kiến nghị các vấn đề cần giải quyết. Đồng thời lập kế hoạch, chương trình hoạt động thuộc lĩnh vực được giao phụ trách của quý tiếp theo, giúp Chủ tịch Hội đồng thành viên xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động kỳ tiếp theo trước kỳ họp Hội đồng thành viên. Các báo cáo và chương trình, kế hoạch này được Văn phòng tổng hợp vào tài liệu họp Hội đồng thành viên.

5. Thành viên Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm chung trong việc thực hiện các quyền và trách nhiệm của Hội đồng thành viên được quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

6. Thành viên Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Điều 11. Phân công cụ thể trong Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên Vũ Anh Minh:

Là người đứng đầu, người phụ trách chung của Hội đồng thành viên, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Có trách nhiệm chỉ đạo công việc chung để các thành viên Hội đồng thành viên đoàn kết, thống nhất nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổng công ty.

- a) Các quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này;
- b) Trực tiếp phụ trách theo dõi, giám sát chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công việc thuộc các chuyên đề, lĩnh vực sau:
- Quản lý vốn và tài sản do chủ sở hữu nhà nước giao cho Tổng công ty;
 - Chỉ đạo thực hiện các quyết định của chủ sở hữu nhà nước;
 - Báo cáo chủ sở hữu nhà nước các nội dung theo quy định;
 - Công tác đối nội, đối ngoại và xây dựng mối đoàn kết nội bộ, cùng hợp tác phát triển của Tổng công ty;
 - Các nội dung về lĩnh vực tổ chức, quản trị nhân sự, quản lý Người đại diện phần vốn tại Điều 8 Quy chế này;
 - Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Tổng công ty;
 - Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Tổng công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo ủy quyền của chủ sở hữu.

2. Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Vũ Tá Tùng:

Là thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên của Tổng công ty, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

a) Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

b) Trực tiếp phụ trách theo dõi, giám sát chỉ đạo, đôn đốc thực hiện công việc thuộc các chuyên đề, lĩnh vực sau:

- Công tác kế hoạch, kinh doanh, vận tải của Tổng công ty;
- Công tác đầu tư phát triển của Tổng công ty;
- Thay mặt Chủ tịch Hội đồng thành viên lãnh đạo Tổng công ty khi được Chủ tịch ủy quyền;
- Các nội dung về lĩnh vực Quản lý kế hoạch tại Điều 8 Quy chế này;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

3. Thành viên Hội đồng thành viên Nguyễn Văn Doanh:

Là thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên của Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Thực hiện theo dõi chuyên sâu theo lĩnh vực được phân công và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên theo quy định.

Trực tiếp phụ trách theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện công việc thuộc các chuyên đề, lĩnh vực:

- Công tác quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt của Tổng công ty;
- Công tác quản lý xây dựng của Tổng công ty;
- Thay mặt Chủ tịch Hội đồng thành viên lãnh đạo Tổng công ty khi được Chủ tịch ủy quyền;
- Các nội dung về lĩnh vực Quản lý đầu tư, xây dựng tại Điều 8 Quy chế này;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

4. Thành viên Hội đồng thành viên Đỗ Thanh Hà:

Là thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên của Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Thực hiện theo dõi chuyên sâu theo lĩnh vực được phân công và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên theo quy định.

Trực tiếp phụ trách theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện công việc thuộc các chuyên đề, lĩnh vực:

- Công tác liên quan tài chính kế toán của Tổng công ty;
- Công tác phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Tổng công ty;
- Công tác huy động, quản lý, bảo toàn vốn, tài sản của Tổng công ty trong phạm vi Tổng công ty, các công ty con;
- Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án của Tổng công ty;
- Thay mặt Chủ tịch Hội đồng thành viên lãnh đạo Tổng công ty khi được Chủ tịch ủy quyền;
- Các nội dung về lĩnh vực Quản lý tài chính tại Điều 8 Quy chế này;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

5. Thành viên Hội đồng thành viên Hồ Hữu Hòa:

Là thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên của Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

Thực hiện theo dõi chuyên sâu theo lĩnh vực được phân công và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên theo quy định.

Trực tiếp phụ trách theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện công việc thuộc các chuyên đề, lĩnh vực:

- Công tác giáo dục đào tạo của Tổng công ty;
- Công tác khoa học công nghệ của Tổng công ty;
- Công tác công nghiệp, cơ khí đường sắt của Tổng công ty;
- Công tác kiểm tra, giám sát của Tổng công ty;
- Công tác xây dựng văn bản pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước và văn bản có tính quy trình, quy phạm của Tổng công ty;
- Các dự án đầu tư liên quan đến đất đai;

- Thay mặt Chủ tịch Hội đồng thành viên lãnh đạo Tổng công ty khi được Chủ tịch ủy quyền;
- Các nội dung về lĩnh vực Xây dựng văn bản tại Điều 8 Quy chế này (Trừ nội dung thuộc thẩm quyền Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này);
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 12. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu được giao tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật; thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

2. Hội đồng thành viên làm việc theo nguyên tắc tập thể, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có tính chất bắt buộc thi hành đối với Tổng công ty; Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm tổ chức điều hành hoạt động của Tổng công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

Trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên không có khả năng thực hiện hoặc trong khi thực hiện gặp nhiều khó khăn thì tùy theo từng trường hợp cụ thể, Tổng giám đốc báo cáo lại Hội đồng thành viên để bàn bạc và điều chỉnh lại cho phù hợp; nếu Hội đồng thành viên Tổng công ty không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên chủ sở hữu Tổng công ty.

4. Hội đồng thành viên phân công các thành viên trong Hội đồng thành viên theo dõi, giám sát hoạt động theo chuyên đề hoặc theo lĩnh vực, đơn vị.

Các thành viên Hội đồng thành viên có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung đã được Hội đồng thành viên phân công và khi tham gia cuộc họp Hội đồng thành viên về các nội dung chuyên đề hoặc theo lĩnh vực được phân công thì thực hiện báo cáo để Hội đồng thành viên tham khảo, xem xét, quyết định.

5. Hội đồng thành viên chỉ xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên.

Điều 13. Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Hội đồng thành viên có thể họp bất

thường theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên Hội đồng thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất 03 (ba) ngày trừ trường hợp họp bất thường.

Thông báo mời họp, lịch làm việc của Hội đồng thành viên được thống nhất đưa lên phần mềm điện tử (PO8) của Tổng công ty. Nội dung thông báo mời họp, lịch làm việc phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

3. Các cuộc họp Hội đồng thành viên họp lẻ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự họp biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định theo bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp. Các thành viên Hội đồng thành viên biểu quyết mọi vấn đề theo phương thức “đồng ý” và “không đồng ý” (không áp dụng phiếu trắng). Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình, được ghi trong biên bản cuộc họp của Hội đồng thành viên hoặc tại văn bản xin ý kiến và được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu.

4. Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên có quyền hoặc có trách nhiệm mời đại diện có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình nghị sự. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu (nếu có) của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi thành biên bản và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản được chính thức thông qua khi có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng thành viên và thư ký cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực tại biên bản họp Hội đồng thành viên. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có tính bắt buộc thi hành đối với Tổng công ty.

6. Hình thức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên bằng một trong hai cách: biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không thể tổ chức họp.

7. Đối với các vấn đề cần Hội đồng thành viên giải quyết gấp:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể chỉ đạo rút ngắn thời hạn trả lời Phiếu lấy ý kiến ít hơn (03) ngày làm việc và có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng thư điện tử.

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập cuộc họp bất thường để bàn bạc, quyết định, các thành viên không có mặt có thể tham dự họp trực tuyến.

c) Trường hợp không thể triệu tập họp Hội đồng thành viên hoặc không thể lấy ý kiến bằng văn bản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hội ý với Tổng giám đốc và các thành viên chuyên trách có mặt để quyết định, sau đó báo cáo lại Hội đồng thành viên.

8. Nhằm bảo đảm các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định của Hội đồng thành viên mang tính khả thi cao, trong một số trường hợp cần thiết Hội đồng thành viên sẽ trực tiếp nghe các đơn vị có dự án báo cáo sau khi đã được Tổng giám đốc tổ chức thẩm định để Hội đồng thành viên xem xét, phê duyệt.

9. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

10. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao khác, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty.

11. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chuẩn bị phiên họp Hội đồng thành viên

1. Văn phòng Tổng công ty:

a) Thông báo việc triệu tập các phiên họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hay của thành viên Hội đồng thành viên theo quy định.

b) Kiểm tra về trình tự, thủ tục các cuộc họp.

c) Chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến thành viên Hội đồng thành viên.

d) Ghi biên bản cuộc họp; kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu Phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên.

e) Các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thành viên giao và pháp luật có quy định.

2. Ban Kiểm soát nội bộ tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng thành viên tại mục a, b khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

3. Các Ban chuyên môn, đơn vị liên quan:

Phối hợp với Văn phòng Tổng công ty chuẩn bị và cung cấp tài liệu cho các thành viên Hội đồng thành viên.

Điều 15. Thẩm quyền và thể thức lấy kiến Thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản.

2. Văn phòng chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến từng thành viên Hội đồng thành viên trong thời gian sớm nhất.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của thành viên Hội đồng thành viên.

5. Văn phòng kiểm phiếu và tổng hợp văn bản báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên.

6. Văn bản tổng hợp kèm Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên trong thời hạn 15 ngày, kể từ Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên thông qua.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, văn bản tổng hợp, Nghị quyết, Quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ theo quy định về văn thư, lưu trữ.

8. Nghị quyết, Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng thành viên.

9. Biên bản họp Hội đồng thành viên, Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Phiếu lấy ý kiến, Báo cáo kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng thành viên được thực hiện theo mẫu quy định tại các Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Chương V

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 16. Mối quan hệ giữa Chủ tịch Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, quyết định của chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Cùng chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng thành viên, kết quả và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

2. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không thể thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình vì một lý do bất khả kháng thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 17. Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc

1. Hội đồng thành viên phân cấp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho Tổng giám đốc nhằm phát huy tính chủ động trong hoạt động điều hành Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc Tổng công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

3. Hội đồng thành viên có quyền kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp quy định tại Quy chế quản lý hoạt động đầu tư của Tổng công ty, Hội đồng thành viên xem xét ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với từng trường hợp cụ thể liên quan đến dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị dưới 50% vốn điều lệ của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

5. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên chủ sở hữu.

6. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý, năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Tổng công ty cho Hội đồng thành viên.

7. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng giám đốc chủ trì và có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

8. Trường hợp Tổng công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm.

9. Mọi vấn đề Tổng giám đốc trình xin ý kiến của Hội đồng thành viên phải được nêu rõ nội dung vấn đề xin ý kiến và đề xuất phương án giải quyết. Các cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, thực tiễn phải được phân tích rõ. Trường hợp có nhiều phương án giải quyết, Tổng giám đốc cần phân tích rõ từng phương án, đề xuất một phương án lựa chọn và kèm theo đầy đủ các tài liệu có liên quan để Hội đồng thành viên có cơ sở xem xét, quyết định.

Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt hoặc lý do công tác không thể trực tiếp ký văn bản trình Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc ký thay.

10. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về các vấn đề trình Hội đồng thành viên và việc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Việc tham gia các cuộc họp do cơ quan khác mời và có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Việc phân công người tham dự cuộc họp do các cơ quan khác mời Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có nội dung liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên sẽ do Chủ tịch Hội đồng thành viên phân công hoặc ủy quyền. Người được phân công hoặc ủy quyền sau khi tham dự họp có trách nhiệm báo cáo lại với Chủ tịch Hội đồng thành viên về diễn biến và kết quả cuộc họp.

Điều 19. Cung cấp thông tin

Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban của Tổng công ty, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác cung cấp, giải trình, làm rõ các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc nghị quyết của Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, tài liệu đó, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quy định khác.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Trong quá trình thực hiện, Quy chế này có thể được Hội đồng thành viên sửa đổi, bổ sung cho phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

Các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Vũ Anh Minh

**TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐS-VP

Hà Nội, ngày tháng năm

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Kính gửi: Ông (bà):.....

Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam:

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam:

Căn cứ Quy chế quản lý nội bộ - là một trong những căn cứ pháp lý để xin ý kiến Hội đồng thành viên (nếu có).

Chủ tịch Hội đồng thành viên đề nghị các thành viên Hội đồng thành viên cho ý kiến:

- a. Nội dung xin ý kiến:
- b. Tài liệu kèm theo:
- c. Thời hạn trả lời phiếu xin ý kiến:

Nơi nhận:

- Thành viên HĐTV;
- Lưu: VP.

VĂN PHÒNG
(Thẩm quyền ký)

Họ và tên

Hà Nội, ngày tháng năm

Ý KIẾN GIẢI QUYẾT

1. Đồng ý (đề nghị đồng chí đánh dấu vào ô bên cạnh): ☐
2. Không đồng ý (đề nghị đồng chí nêu rõ lý do): ☐

Ý kiến bổ sung khác hoặc lý do không đồng ý

.....
.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
 TỔNG CÔNG TY
 ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-HĐTV

Hà Nội, ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Phiên họp ngàytháng....năm.....

1. Thời gian họp:..... Ngày...tháng.....năm

2. Địa điểm:

3. Thành phần tham dự:

4. Chủ trì cuộc họp:

5. Thư ký cuộc họp:

6. Nội dung cuộc họp:

.....

.....

Biên bản này đã được...../.....thành viên HĐTV tham dự họp nhất trí thông qua và ký tên dưới đây. Biên bản này được lập thành(....) bản:

- Mỗi thành viên HĐTV giữ 01 (một) bản;
- Bản gốc lưu tại Văn phòng Tổng công ty.

Chủ trì cuộc họp

Thư ký cuộc họp

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Thành viên tham dự:

(ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

.....

TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐS-VP

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về kết quả lấy ý kiến Hội đồng thành viên

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thành viên về việc lấy ý kiến đối với..... các thành viên Hội đồng thành viên có ý kiến như sau:

I. Tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên:

1. Ông:....., có ý kiến:

2. Ông:....., có ý kiến:

3. Bà:....., có ý kiến:

4....., có ý kiến:

II. Kết quả như sau:

- Số phiếu đồng ý:/05 (gồm các ông, bà:.....), đạt tỷ lệ = ...% số phiếu biểu quyết;

- Số phiếu không đồng ý:/05 (gồm các ông, bà:.....), đạt tỷ lệ = ...% số phiếu biểu quyết;

- Số phiếu có ý kiến khác:.....

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên nhất trí (hoặc chưa nhất trí) thông qua:.....

Văn phòng Tổng công ty xin báo cáo Chủ tịch Hội đồng thành viên về kết quả lấy ý kiến Hội đồng thành viên.

Kính đề nghị Chủ tịch Hội đồng thành viên xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP.

VĂN PHÒNG
(Thẩm quyền ký)

Họ và tên

